

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28-8-2026

V/v Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đoàn

Bà Dương Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hợi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 202/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị N, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn L, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020196005925, ngày cấp 21/5/2024, nơi cấp Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Hữu T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn L, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020094006560, ngày cấp 28/5/2023, nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bàn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng H chung sống với nhau từ năm 2013, không được tìm hiểu mà do hai bên gia đình giới thiệu, nhưng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương trên cơ sở tự nguyện. Đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn cũ, nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi tổ chức lễ cưới chị về chung sống

với gia đình chồng, cuộc sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến cuối năm 2019 anh Đặng Hữu T đánh, đuổi chị ra khỏi nhà, vì vậy chị đi làm công ty, thỉnh thoảng ngày nghỉ chị có về thăm con, không ở lại được do anh Đặng Hữu T chửi mắng. Đến năm 2024 anh Đặng H lấy vợ hai, mẹ đẻ anh Đặng Hữu T có thông báo cho chị và nói chị không được về làm ảnh hưởng đến việc anh Đặng Hữu T lấy vợ. Do vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, vợ chồng không có tình cảm, chị Bàn Thị N yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Hữu T.

Về con chung: Có 02 người con chung là Đặng Phúc D, sinh ngày 01/3/2015 và Đặng Phúc M, sinh ngày 23/6/2017. Hiện nay 02 con đang sinh sống cùng bố là Đặng Hữu T tại thôn L, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị Bàn Thị N để lại 02 người con chung cho anh Đặng Hữu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị sẽ cấp dưỡng nuôi mỗi một người con là 1.000.000 đồng/1 tháng, tổng cộng mỗi tháng cấp dưỡng nuôi hai con là 2.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Đặng Hữu T trình bày: Anh và chị Bàn Thị N trước khi tổ chức lễ cưới từ năm 2015, trước khi cưới không quen biết nhau, do hai bên gia đình giới thiệu. Đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bắc Sơn, nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc. Đến năm 2020 chị Bàn Thị N đi làm thuê ở bên Trung Quốc cho đến nay không về địa phương. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Năm 2022 chị Bàn Thị N trở về và đi làm Công ty tại tỉnh Bắc Ninh, vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Bàn Thị N xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 người con chung là Đặng Phúc D, sinh ngày 01/3/2015 và Đặng Phúc M, sinh ngày 23/6/2017. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), yêu cầu chị Bàn Thị N cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/1 tháng/1 con. Tổng cộng là 2.000.000 đồng/1 tháng/ 02 con cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2026, cháu Đặng Phúc M trình bày hiện nay cháu đang học lớp 2 tại Trường tiểu học Trần Yên, và Đặng Phúc D học tại lớp 5 điểm trường Lân H, tại thôn Lân H, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Hai cháu có nguyện vọng nếu bố, mẹ ly hôn cháu muốn ở với bố là Đặng Hữu T.

Tại công văn số 902/UBND-VP ngày 01/7/2026 của Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin: Chị Bàn Thị N và anh Đặng Hữu T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lạng Sơn từ năm 2018. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn như thế nào UBND xã không nắm được vì chưa yêu cầu đến Thôn hòa giải lần nào. Từ năm 2021 chị Bàn Thị N về nhà bố, mẹ đẻ hay đi đâu Thôn cũng không nắm được, không về chung sống với anh Đặng Hữu T nữa. Thu nhập bình quân của người lao động cùng loại khoảng 49.000.000 đồng /1 năm.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Đặng Phúc M và Đặng Phúc D đều có nguyện vọng nếu bố, mẹ ly hôn thì muốn được ở với bố là Đặng Hữu T.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 12/8/2026 để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng anh Đặng Hữu T vắng mặt, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tổ tụng đúng trình tự thủ tục, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai đương sự và con chưa thành niên, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 58, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Bàn Thị N được ly hôn với anh Đặng Hữu T.

Về con chung, giao cháu Đặng Phúc D, Đặng Phúc M cho anh Đặng Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Chị Bàn Thị N sẽ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/1 tháng/1 con. Chị Bàn Thị N có quyền đi lại thăm con theo quy định

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí, buộc nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thôn L, xã H, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy chị Bàn Thị N và anh Đặng Hữu T có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2013, trước khi tổ chức lễ cưới không được tìm hiểu mà do hai bên gia đình giới thiệu. Đến năm 2018 mới đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn cũ, nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Lạng Sơn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đặng Hữu T thường xuyên uống rượu, gây sự và đánh đuổi chị, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn,

không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh Đặng Hữu T cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị Bàn Thị N và anh Đặng Hữu T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nay chị Bàn Thị N xin ly hôn anh Đặng Hữu T là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Bàn Thị N và anh Đặng Hữu T có 02 người con chung là Đặng Phúc D, sinh ngày 01/3/2015 và Đặng Phúc M, sinh ngày 23/6/2017. Hiện nay 02 con đang với anh Đặng Hữu T và đang được đi học tại thôn L, xã H, tỉnh Lạng Sơn, sinh sống, học tập ổn định, không bị ngược đãi. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay chị Bàn Thị N có thu nhập, bảo đảm điều kiện cấp dưỡng nuôi con. Anh Đặng Hữu T có chỗ ở ổn định, có điều kiện chăm sóc cho cháu Đặng Phúc M và Đặng Phúc D phát triển về mọi mặt. Quá trình giải quyết vụ án cháu Đặng Phúc M và Đặng Phúc D có nguyện vọng muốn được ở với bố. Do đó, cần giao cho anh Đặng Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Phúc M và Đặng Phúc D cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Bàn Thị N không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án anh Đặng Hữu T yêu cầu chị Bàn Thị N cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/1 tháng/1 con. Chị Bàn Thị N cũng đồng ý cấp dưỡng mức nêu trên. Phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng và thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 8/2026. Trường hợp chậm thi hành cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận. Khi cần thiết hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án hai bên đều trình bày không yêu cầu giải quyết về tài sản, không có nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bàn Thị N sinh sống tại xã vùng III đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn án phí, nhưng quá trình giải quyết vụ án chị không có đơn xin miễn, do vậy chị phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách Nhà nước theo quy định.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273; điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Bàn Thị N được ly hôn anh Đặng Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Phúc D, sinh ngày 01/3/2015 và Đặng Phúc M, sinh ngày 23/6/2017 cho anh Đặng Hữu T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Bàn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000 đồng/1 tháng/01 người con, tổng cộng là 2.000.000 đồng/1 tháng/02 con, phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2026.

Chị Bàn Thị N không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bàn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng chẵn) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0001435 ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Nay chị Bàn Thị N còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 34, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã H
tỉnh Lạng Sơn (Nơi ĐKKH)
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nông Thị Mỹ Phước

